

Số: 107/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 12 - 2024.

“Về tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;

2. Ông Mai Văn Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 342/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tò E, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt bà L, vắng mặt ông H.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông H được hình thành là do tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2003 tại UBND xã N Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H không phụ giúp vợ con, mà chỉ tham gia cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần nhiều người rồi cáu gắt kiếm chuyện đánh bà, bà cố nhịn nhục và khuyên ngăn ông, nhưng không được, bà một mình lo cho gia đình lại nuôi con nhỏ, nên không chịu đựng được, đến tháng 05/2024 thì ly thân với ông H. Trong thời gian ly thân gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Bà với ông H có 02 con chung tên: 1/ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998; 2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 2005, hiện 02 con đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông H tự thỏa thuận.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông H không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Văn H để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L – ông H chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông H chỉ lo ăn chơi, cờ bạc gây nợ kiếm chuyện đánh bà, bà khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi nên ly thân nhau, gia đình hàn gắn không thành, nên bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Văn T đã trưởng thành và tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có, nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà L khởi kiện ly hôn với ông H, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Ông H được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông H theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L – ông H kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139 ngày 12/12/2003, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông H chỉ lo ăn chơi, cờ bạc gây nợ kiếm chuyện đánh bà, bà khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi...nên ly thân nhau từ hơn 06 tháng nay, gia đình có hàn gắn nhưng không thành...

Qua trình bày của bà L, mặc dù ông H vắng mặt, nhưng tại biên bản xác minh vào ngày 22/11/2024 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa bà L – ông H là do tự tìm hiểu, quá trình chung sống thì 05 năm đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường cãi vã không quan tâm dẫn đến đánh nhau, do ông H thường tham gia cờ bạc, ông H cũng tuyên bố nếu không chung sống được nữa thì ly hôn... khả năng bà L với ông H hàn gắn lại nhau là không thể...

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét trình bày của bà L xin ly hôn với ông H là có cơ sở, mâu thuẫn giữa bà L – ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: 1/ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998; 2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 2005 đã trưởng thành, bà L không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: Bà L khai bà với ông H không có nợ chung. Tuy nhiên do ông H vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông H có chứng cứ chứng minh có nợ chung và ông H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0012727 ngày 17/10/2024** của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (bà L nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**31/12/2024**), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp](#).

Lê Văn Huệ

